

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Nguyễn Văn Thượng**;

Ông **Trần Việt Hùng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 748/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Hồng T**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Minh L**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 06/11/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Hồng T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cách đây 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh L không còn tình cảm với chị, không chung thủy, dẫn đến việc đã sống ly thân 02 năm nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Minh Pha S, sinh ngày 01/8/2001 và Trần Anh T, sinh ngày 27/01/2006 đang sống với chị. Nay con tên S đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi con tên T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Minh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

+ Về con chung: Con chung tên S đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Giao con chung tên Anh T cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Hồng T là Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Anh Trần Minh L là Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị T khai nhận chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị T cung cấp. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T khai nhận trong thời gian chung sống có mâu thuẫn trầm trọng do anh L không chung thủy dẫn đến sống ly thân 02 năm nay không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị T là có căn cứ. Anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, anh chị đã mâu thuẫn với nhau một thời gian dài không hàn gắn được và đã sống ly thân. Nay chị T không còn tình cảm với anh L và cương quyết ly hôn dù đã được động viên đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung tên S đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Anh T. Nguyễn **vọng** của cháu Anh T cũng muốn được sống với chị T nên cần giao cháu Anh T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Hồng T đối với anh Trần Minh L. Chị Phan Hồng T được ly hôn với anh Trần Minh L.

2- Về con chung:

Con chung tên Trần Minh Pha S, sinh ngày 01/8/2001 đã thành niên, chị Phan Hồng T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị Phan Hồng T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 27/01/2006; ghi nhận chị Phan Hồng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Minh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phan Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000048 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Phan Hồng T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Báo cho chị T và anh L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**